

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 175/QĐ-SXD ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng Sở		Trung tâm Đăng kiểm và quản lý bến xe	
					Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	B	1	2	3	4	5	6	7
A	Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	3.216.122.086	3.216.122.086	0	2.688.022.086	2.688.022.086	528.100.000	528.100.000
I	Số thu phí, lệ phí	3.216.122.086	3.216.122.086		2.688.022.086	2.688.022.086	528.100.000	528.100.000
1	Lệ phí	1.403.415.000	1.403.415.000		875.315.000	875.315.000	528.100.000	528.100.000
	Lệ phí	1.403.415.000	1.403.415.000		875.315.000	875.315.000	528.100.000	528.100.000
2	Phí	1.812.707.086	1.812.707.086		1.812.707.086	1.812.707.086		
	Phí	1.812.707.086	1.812.707.086		1.812.707.086	1.812.707.086		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-					
1	Chi sự nghiệp	-	-					
a	Chi thường xuyên giao tự chủ	-	-					
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-					
2	Chi quản lý hành chính	-	-					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	30.024.207.890	30.024.207.890		30.024.207.890	30.024.207.890		
I	Nguồn ngân sách trong nước	30.024.207.890	30.024.207.890		30.024.207.890	30.024.207.890		
1	Chi quản lý hành chính	27.223.912.890	27.223.912.890		27.223.912.890	27.223.912.890		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	15.362.535.867	15.362.535.867		15.362.535.867	15.362.535.867		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.861.377.023	11.861.377.023		11.861.377.023	11.861.377.023		
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.800.295.000	2.800.295.000		2.800.295.000	2.800.295.000		
a	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.800.295.000	2.800.295.000		2.800.295.000	2.800.295.000		
b	Nhiệm vụ chuyển đổi số	2.800.295.000	2.800.295.000		2.800.295.000	2.800.295.000		